

Bản án số: 01/2017/HC-PT

Ngày: 29 - 6 - 2017

V/v “Kiện Quyết định giải

quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Bà Hoàng Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Ly – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 01/2017/TLPT-HC ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc khởi kiện quyết định giải Quyết khiếu nại đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 127/2017/QĐPT-HC ngày 22 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Đình Ch và bà Phạm Thị T

Địa chỉ cư trú: Thôn K 4, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: ông Bùi Văn Th, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch UBND huyện B

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: ông Đỗ Mạnh T, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- UBND xã H, huyện B do ông Ngô Đắc Th, Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật, uỷ quyền cho ông Nguyễn Quốc H, cán bộ địa chính xã H, có mặt.

- Ông Trần M, tên gọi khác là Trần Xuân M, Trú tại: Thôn K 4, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau: Ngày 24/7/2012, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Đình Ch và bà Phạm Thị T với diện tích 152m² tại thửa đất số 1005, tờ bản đồ số 11 tại khu vực ao cá K sau khi vợ chồng ông Ch, bà T đấu giá thành công thửa đất nói trên. Ông Ch, bà T không đồng ý với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện B đã cấp cho ông, bà vì lý do cấp bao gồm cả 62m² đất ông Ch, bà T đã đổi cho ông Trần M vào năm 2001. Ngày 02/01/2014 ông Trần Đình Ch và bà Phạm Thị T làm đơn khiếu nại đến UBND huyện B.

Ngày 29/4/2014, Chủ tịch UBND huyện B đã ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 1021/QĐ-CT không chấp nhận khiếu nại của ông Ch, bà T vì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Ch, bà T đúng với thực địa khu đất khi tổ chức đấu giá.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện B, ông Ch, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết hủy Quyết định số 1021/QĐ-CT ngày 29/4/2014 Chủ tịch UBND huyện B vì quyết định này không đúng sự việc, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà.

Phía người bị kiện trình bày: Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đình Ch và bà Phạm Thị T vì Quyết định số 1021/QĐ-CT ngày 29/4/2014 ban hành đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, về trình tự thủ tục, về nội dung. Các căn cứ để Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định: Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Quyết định số 1963/QĐ-UBND, ngày 23/7/2012 của UBND huyện B về việc giao đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở tại xã H.

Tại bản án số 01/2017/HC-ST ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách căn cứ vào Điều 5, Điều 7, Điều 8, Điều 30, Điều 31, Điều 59, Điều 60, Điều 116, Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính, bác yêu cầu của ông Trần Đình Ch và bà Phạm Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1021/QĐ-CT ngày 29/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện B

Ngoài ra án Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/4/2017 ông Trần Đình Ch và bà Phạm Thị T làm đơn kháng cáo với nội dung: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông, bà; đồng thời đưa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trần M và UBND xã H tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo, người bị kiện không rút quyết định bị khởi kiện; UBND xã H có ý kiến đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ch, bà T vì không có căn cứ.

Ông Trần M vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm, đề nghị bác kháng cáo của ông Ch, bà T và y án sơ thẩm.

Căn cứ vào các T liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được kiểm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 25/2/2016, ông Trần Đình Ch và bà Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện Quyết định giải quyết khiếu nại số 1021/QĐ-CT ngày 29/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện B (gọi tắt là Quyết định số 1021/QĐ-CT) về việc giải quyết đơn của ông Ch, bà T đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 098531 tại Toà án cấp cao tại Đà Nẵng. Theo hướng dẫn tại nghị quyết 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao thì ông Ch, bà T có quyền khởi kiện đối với Quyết định 1021/QĐ-CT trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/3/2015 đến 01/3/2016. Như vậy, việc TAND huyện Bồ Trách thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Ch, bà T là đúng đối tượng và đơn khởi kiện còn thời hiệu khởi kiện.

Theo đề nghị của ông Ch, bà T tại đơn kháng cáo, Toà án đã mời UBND xã H và ông Trần M đến tham gia phiên toà. Ông Trần M vắng mặt lần hai không có lý do mặc dù Toà án đã triệu tập hợp lệ (ông Ch thừa nhận đã giao tận tay giấy triệu tập cho ông Trần M). Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 225 Luật tố tụng Hành chính, Toà án xét xử vắng mặt ông M.

[2] Xét kháng cáo của ông Trần Đình Ch và bà Phạm Thị T yêu cầu hủy bỏ quyết định số 1021/QĐ-CT ngày 29/4/2014 Chủ tịch UBND huyện B thấy rằng:

[2.2] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định số 1021/QĐ-CT: Sau khi có khiếu nại về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tại Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại.

[2.2] Về nội dung quyết định hành chính bị khởi kiện: Căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1997 tại xã H, huyện Bồ Trách và lời khai của những người tham gia tố tụng cho thấy, thửa đất số 1005, tờ bản đồ số 11 tại khu ao cá K trước đây là một phần của thửa đất số 220, tờ bản đồ số 11 là đất 2 vụ lúa, được giao cho 5 hộ để bắc mạ, trong đó có hộ ông Trần M (theo sổ mục kê thì ghi là ông Ngô M). Không có chứng cứ thể hiện mỗi hộ được sử dụng bao nhiêu, ranh giới đất giữa các hộ như thế nào. Theo ông Trần M khi làm việc với đoàn thanh tra giải quyết khiếu nại thì ông chỉ được HTX giao để bắc mạ, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Năm 2001, giữa hai gia đình có chuyển đổi phần đất ông M đang sử dụng để bắc mạ tại Hà Luật (nay là K) với phần đất khác của ông Ch. Tuy nhiên, sau đó ông cũng không sử dụng phần đất đã đổi cho ông Ch đã trả lại đất cho ông Ch còn ông Ch đã đắp đường đi trên phần đất ông được giao bắc mạ, mỗi năm ông Ch cho gia đình ông 1 đến 2 thúng lúa. Năm 2003, thực hiện chế độ

dồn điền đổi thửa, ông đã được giao đất đúng như diện tích đất trước đây mà không trừ đi phần đất đã đổi cho ông Ch. Phần đất này thuộc quỹ đất công ích của xã, giao bắc mạ tạm thời chứ không phải giao đất sử dụng lâu dài.

Theo ông Ch thì khu vực đất ông M đổi cho ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể là tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 6 xứ đồng Tầm (khu vực ao cá K) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp sổ 01661 ngày 06/10/1999. Tuy nhiên, trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp không ghi cụ thể xứ đồng nào, diện tích 124m² không trùng với diện tích mà ông đã đổi cho ông M; Đối chiếu với bản đồ xã H năm 1997 thì thửa đất số 201, tờ bản đồ số 6 là ở xứ đồng Bờ Rào, cách xa khu vực tranh chấp. Kết hợp lời khai của ông M và ông Ch cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cho thấy thửa đất ông M đổi cho ông Ch chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Điều 30 Luật đất đai năm 1993 quy định: “*Không được chuyển quyền sử dụng đất trong các trường hợp: 1. Đất sử dụng không có giấy tờ hợp pháp....*”; Tại Điều 693 Bộ luật dân sự năm 1995 quy định: Hộ gia đình có quyền chuyển quyền sử dụng đất (gồm chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp, thừa kế...) cho người khác khi có đủ các điều kiện sau: 1. *Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật đất đai...*” Căn cứ vào quy định của pháp luật đất đai và dân sự tại thời điểm chuyển đổi đất (năm 2001) thì việc chuyển đổi đất giữa ông Trần M và ông Trần Đình Ch là không hợp pháp. Hơn nữa, sau năm 2008, đổi với những gia đình đã được cấp đất nông nghiệp theo nghị định 64/NĐ-CP, UBND huyện B đã ra thông báo số 08/TB-UBND ngày 04/01/2008 thu hồi các giấy chứng nhận đất đã cấp để thực hiện việc dồn điền đổi thửa. Những giấy chứng nhận cấp theo Nghị định 64 đã bị vô hiệu hoá sau khi thực hiện dồn điền đổi thửa. Gia đình ông Trần Đình Ch và bà Phạm Thị T được cấp đất ở vị mới, sử dụng ổn định đến nay không có ý kiến gì. Và hiện tại, phần đường ông Ch bà T đã đắp trước đây ông bà cũng đang sử dụng. Việc UBND huyện B khẳng định vùng đất ao cá K thuộc quyền quản lý của UBND xã H mà không giao cho hộ gia đình, cá nhân nào sau dồn điền đổi thửa năm 2008 là có căn cứ.

Trên cơ sở quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết phân lô của UBND huyện, UBND xã đã dự kiến giá đất của từng lô đề nghị UBND huyện xem xét và phê duyệt tại Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 13/3/2012. Trước khi đấu giá, UBND huyện đã thông báo rộng rãi trên loa truyền thanh xã; Ngày 09/5/2012, ông Ch và bà T đến đăng ký tham gia đấu giá, tại buổi đấu giá công chức địa chính đã giải thích rõ vị trí thửa đất mà các hộ gia đình đăng ký. Ngày 29/5/2012 Trung T dịch vụ bán đấu giá T sản tỉnh Quảng Bình phối hợp với UBND huyện và xã tổ chức đấu giá và giao bản vẽ quy hoạch cho các hộ gia đình. Ngày 23/7/2012, UBND huyện có quyết định số 1963/QĐ-UBND về việc giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại xã H. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ch, bà T đúng quy trình, đúng với thực địa khu đất khi tổ chức đấu giá. Nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 1021/QĐ-CT là có căn cứ.

Án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Ch, bà T về việc yêu cầu hủy bỏ quyết định số 1021/QĐ-CT ngày 29/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện B là đúng pháp luật. Vì vậy, bác yêu cầu kháng cáo của ông Ch, bà T.

[3.] Về án phí: Ông Trần Đình Ch và bà Phạm Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo luật định.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 30 Luật Đất đai năm 1993, Điều 693 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 18,27,28,29 Luật Khiếu nại năm 2011, Điều 34 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 01/2017/HC-ST ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách: Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đình Ch và bà Phạm Thị T về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1021/QĐ-CT ngày 29/4/2014 Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Án phí hành chính phúc thẩm: ông Trần Đình Ch và bà Phạm Thị T phải chịu 300.000 (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0001988 ngày 11/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trách.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2017.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND Huyện Bồ Trách;
- Chi cục THA Bồ Trách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Từ Thị Hải Dương

